

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 23

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ

Khu công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị (gọi tắt “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200294306 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/12/2008 và đăng ký thay đổi lần 03 ngày 10/06/2024.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 303031000017 chứng nhận lần đầu ngày 09/5/2009. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 03 ngày 10/06/2024 là 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng).

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Thái Hải Phương	Thành viên
Ông Dương Thục Trung	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thái Hải Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các Cổ đông của Công ty đã chuyển khoản góp đủ vốn điều lệ là: 50.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kèm theo.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.





Số: 227/2024/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị, được lập ngày 30/09/2024, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

010  
NG  
NH  
A T  
/IE  
A N  
T.C.P.  
02  
Đ N  
Đ F  
N  
A N  
YU

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không tham gia quan sát công tác kiểm kê tiền mặt và Hàng tồn kho với giá trị lần lượt là: 1.634.252.372 VND và 3.365.910.678 VND tại ngày kết thúc kỳ kết toán 30/06/2024 do được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên sau ngày này. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp đầy đủ bằng chứng để chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2024 và ảnh hưởng (nếu có) của các khoản mục này đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày của Công ty.

Đến thời điểm 30/06/2024, các khoản công nợ phải thu và phải trả không biến động số dư trong nhiều năm tài chính, chi tiết gồm: Phải thu khách hàng: 1.134.954.400 VND (tại ngày 01/01/2024: 1.134.954.400 VND), Trả trước cho người bán: 1.064.795.000 VND (tại ngày 01/01/2024: 1.064.795.000 VND), Phải thu khác: 75.262.395 VND (tại ngày 01/01/2024: 75.262.395 VND) và Phải trả người bán: 54.778.061 VND (tại ngày 01/01/2024: 54.778.061 VND). Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về tính hiện hữu, đúng đắn, đầy đủ và khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu cũng như ảnh hưởng của khoản nợ phải trả đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 kèm theo của Công ty.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty chưa được kiểm toán.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2024

**Lưu Anh Tuấn****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2024-137-1



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.636.095.815	1.402.268.761
II. Đầu tư tài chính	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	12.642.522.403	12.619.149.451
1. Phải thu của khách hàng	131		2.355.614.400	2.439.176.900
2. Trả trước cho người bán	132		10.211.645.608	10.104.710.156
4. Phải thu khác	134		75.262.395	75.262.395
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	3.365.910.678	3.522.077.938
1. Hàng tồn kho	141		3.365.910.678	3.522.077.938
V. Tài sản cố định	150	5.4	2.577.230.328	3.088.481.630
- Nguyên giá	151		21.686.565.399	21.686.565.399
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		(19.109.335.071)	(18.598.083.769)
VI. Bất động sản đầu tư	160		-	-
VII. Xây dựng cơ bản dở dang	170	5.5	486.108.379	391.855.879
VIII. Tài sản khác	180		134.812.188	173.378.213
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		94.450.267	85.343.297
2. Tài sản khác	182	5.6	40.361.921	88.034.916
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	<b>200</b>		<b>20.842.679.791</b>	<b>21.197.211.872</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>8.300.828.730</b>	<b>7.462.288.895</b>
1. Phải trả người bán	311	5.7	897.628.104	878.998.340
2. Người mua trả tiền trước	312	5.7	687.618.500	250.476.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	76.747.603	-
4. Phải trả người lao động	314		558.024.221	449.011.427
5. Phải trả khác	315	5.7	5.735.627.471	4.909.358.446
6. Vay và nợ thuê tài chính	316	5.9	178.374.080	807.635.931
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		166.808.751	166.808.751
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>5.10</b>	<b>12.541.851.061</b>	<b>13.734.922.977</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.530.000.000	23.530.000.000
8. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	418		3.087.432.356	3.087.432.356
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.075.581.295)	(12.882.509.379)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>20.842.679.791</b>	<b>21.197.211.872</b>

Quảng Trị, ngày 30 tháng 09 năm 2024

Người lập



Hồ Việt Nga

Kế toán trưởng



Hồ Việt Nga

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Ngọc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	516.355.000	1.678.397.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>516.355.000</b>	<b>1.678.397.500</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	672.275.827	1.691.428.143
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>(155.920.827)</b>	<b>(13.030.643)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.960	24.834
7. Chi phí tài chính	22	6.4	13.154.797	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.154.797	-
9. Chi phí quản lý kinh doanh	24	6.5	1.015.888.155	1.390.525.143
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 24)</b>	<b>30</b>		<b>(1.184.952.819)</b>	<b>(1.403.530.952)</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		8.119.097	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>(8.119.097)</b>	<b>-</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.193.071.916)</b>	<b>(1.403.530.952)</b>
15. Chi phí thuế TNDN	51	6.7	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>(1.193.071.916)</b>	<b>(1.403.530.952)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71		(507)	(596)

Quảng Trị, ngày 30 tháng 09 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Việt Nga



Hồ Việt Nga



Nguyễn Thị Bích Ngọc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			kết thúc VND	kết thúc VND
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01		1.049.560.000	1.764.010.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02		(452.661.148)	(1.349.232.454)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(390.261.787)	(591.731.919)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(13.154.797)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		910.570.800	1.845.520.800
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(240.975.123)	(283.579.649)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>863.077.945</b>	<b>1.384.986.778</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư</b>				
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	25		10.960	24.834
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>10.960</b>	<b>24.834</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		227.504.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(856.765.851)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(629.261.851)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>233.827.054</b>	<b>1.385.011.612</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.1</b>	<b>1.402.268.761</b>	<b>640.999.335</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>1.636.095.815</b>	<b>2.026.010.947</b>

Quảng Trị, ngày 30 tháng 09 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hồ Việt Nga

Hồ Việt Nga

Nguyễn Thị Bích Ngọc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200294306 đăng ký lần đầu ngày 18/12/2008 và đăng ký thay đổi lần 03 ngày 10/06/2024, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 303031000017 chứng nhận lần đầu ngày 09/5/2009.

Trụ sở chính của Công ty tại khu công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Linh, Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 03 ngày 10/06/2024 là 50.000.000.000 đồng. Đến ngày 30/06/2024 vốn thực góp của các Cổ đông Công ty là 23.530.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng).

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024: 13 người (tại 31/12/2023: 15 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Khai thác muối;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất phân bón và hợp chất ni to.

1019  
3TY  
-H  
TOÁN  
.TNA  
NỘY



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam, ký hiệu VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ được ban hành kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tương đương tiền và Tiền đang chuyển và được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)**

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phần chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao</b> <b>(Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 – 21
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 – 20
Máy móc thiết bị	08 – 13
TSCĐ khác	10 – 16

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua ;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ bao gồm chi phí đi vay vốn: ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.634.252.372	1.398.069.096
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.843.443	4.199.665
<b>Tổng</b>	<b>1.636.095.815</b>	<b>1.402.268.761</b>

**5.2 Các khoản phải thu**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Cao Hùng	954.160.000	954.160.000
Công ty TNHH Nông nghiệp xanh Mai Chi	250.500.000	230.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu Phân bón Miền Nam	665.600.000	665.600.000
Các đối tượng khác	485.354.400	588.916.900
<b>Tổng</b>	<b>2.355.614.400</b>	<b>2.439.176.900</b>
<b>b) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Hoàng Thị Phú	825.000.000	825.000.000
Công ty CP Hiệp Phú	734.369.144	676.869.144
Công ty TNHH Sản xuất Nguyên Đạt	8.300.000.000	8.300.000.000
Các đối tượng khác	352.276.464	302.841.012
<b>Tổng</b>	<b>10.211.645.608</b>	<b>10.104.710.156</b>
<b>c) Phải thu khác</b>		
Phải thu khác	75.262.395	75.262.395
<b>Tổng</b>	<b>75.262.395</b>	<b>75.262.395</b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên vật liệu	553.702.607	-	1.672.450.117	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	535.962.997	-	1.292.863.831	-
Thành phẩm	2.023.131.500	-	303.650.416	-
Hàng hóa	253.113.574	-	253.113.574	-
<b>Tổng</b>	<b>3.365.910.678</b>	<b>-</b>	<b>3.522.077.938</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.4 Tăng giảm tài sản cố định****a) Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư ngày 01/01/2024	9.082.294.373	4.944.256.229	2.259.348.163	5.400.666.634	21.686.565.399
Số dư ngày 30/06/2024	9.082.294.373	4.944.256.229	2.259.348.163	5.400.666.634	21.686.565.399
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư ngày 01/01/2024	7.192.516.081	4.836.644.018	2.145.727.467	4.423.196.203	18.598.083.769
Khấu hao trong kỳ	247.736.034	71.652.847	19.076.551	172.785.870	511.251.302
Số dư ngày 30/06/2024	7.440.252.115	4.908.296.865	2.164.804.018	4.595.982.073	19.109.335.071
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư ngày 01/01/2024	1.889.778.292	107.612.211	113.620.696	977.470.431	3.088.481.630
Số dư ngày 30/06/2024	1.642.042.258	35.959.364	94.544.145	804.684.561	2.577.230.328

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/6/2024 là 7.890.594.436 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 3.851.989.633 đồng).

Giá trị còn lại của Tài sản cố định dùng để thế chấp các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/06/2024 là: 1.531.946.773 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 1.610.631.800 đồng).

**5.5 Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà xưởng	486.108.379	391.855.879
<b>Tổng</b>	<b>486.108.379</b>	<b>391.855.879</b>

**5.6 Tài sản khác**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>40.361.921</b>	<b>88.034.916</b>
Chi phí trả trước	15.400.454	63.073.449
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.400.454	63.073.449
Các khoản phải thu Nhà nước	24.961.467	24.961.467
- Thuế Thu nhập cá nhân	24.961.467	24.961.467
<b>Tổng</b>	<b>40.361.921</b>	<b>88.034.916</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.7 Các khoản phải trả**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Bùi Thị Hương	507.200.000	507.200.000
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp tỉnh Quảng Trị	242.390.000	242.390.000
Công ty Cổ phần Thương mại Công nghiệp Tân Kỳ Nguyên	39.000.000	-
Công ty TNHH Cơ khí xây dựng và Thương mại Mạnh Cường	42.600.000	42.600.000
Các đối tượng khác	66.438.104	86.808.340
<b>Tổng</b>	<b>897.628.104</b>	<b>878.998.340</b>
<b>b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9	254.512.500	-
Công ty CP Hiệp Phú	380.476.000	250.476.000
Các đối tượng khác	52.630.000	-
<b>Tổng</b>	<b>687.618.500</b>	<b>250.476.000</b>
<b>c) Phải trả khác</b>		
Phải trả khác		
- Kinh phí công đoàn	20.965.508	20.965.508
- Bảo hiểm xã hội	103.443.625	94.063.350
- Bảo hiểm y tế	24.289.180	21.165.280
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.310.026	7.095.176
- Phải trả khác - mượn tiền bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	5.578.619.132	4.766.069.132
<b>Tổng</b>	<b>5.735.627.471</b>	<b>4.909.358.446</b>

**5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2024	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	12.500.000	12.500.000	-	-	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	181.891.500	106.103.375	-	-	75.788.125
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	959.478	-	-	-	959.478
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>198.350.978</b>	<b>121.603.375</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>76.747.603</b>

Khu công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Quang,

Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.9 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn	178.374.080	178.374.080	227.504.000	856.765.851	807.635.931	807.635.931
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	-	-	-	807.635.931	807.635.931	807.635.931
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (2)	178.374.080	178.374.080	227.504.000	49.129.920	-	-
<b>Tổng</b>	<b>178.374.080</b>	<b>178.374.080</b>	<b>227.504.000</b>	<b>856.765.851</b>	<b>807.635.931</b>	<b>807.635.931</b>

(1): Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/2716049/HĐTD ngày 31/08/2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, với hạn mức tín dụng tối đa là 7.500.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/08/2024, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 032071 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 21/03/2023.

(2) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 5820/24MB/HĐTD ngày 03/04/2024 với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, với hạn mức tín dụng tối đa là 3.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 03/04/2025, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón, sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tốt bện. Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 032071 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 21/03/2023.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2023	23.530.000.000	3.087.432.356	(9.819.949.283)	16.797.483.073
Lỗi trong năm trước	-	-	(3.062.560.096)	(3.062.560.096)
Số dư 31/12/2023	23.530.000.000	3.087.432.356	(12.882.509.379)	13.734.922.977
Số dư 01/01/2024	23.530.000.000	3.087.432.356	(12.882.509.379)	13.734.922.977
Lỗi trong kỳ này	-	-	(1.193.071.916)	(1.193.071.916)
Số dư 30/06/2024	23.530.000.000	3.087.432.356	(14.075.581.295)	12.541.851.061

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	15.930.000.000	15.930.000.000
Ông Dương Quốc Trường	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Quasa-Geruco	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiên Sinh	2.600.000.000	2.600.000.000
<b>Tổng</b>	<b>23.530.000.000</b>	<b>23.530.000.000</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 20/3/2024, các Cổ đông thống nhất thông qua phương án tăng vốn điều lệ. Đến ngày 30/9/2024 các Cổ đông đã chuyển khoản góp thêm 26.470.000.000 đồng để đủ 50.000.000.000 đồng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu, cổ tức và lợi nhuận đã chia**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp tại ngày đầu kỳ	23.530.000.000	23.530.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối kỳ	23.530.000.000	23.530.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****d. Cổ phiếu**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.353.000	26.021.300
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.353.000	2.353.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.353.000	2.353.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.353.000	2.353.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.353.000	2.353.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Doanh thu bán phân vi sinh	391.355.000	1.678.397.500
Doanh thu cho thuê kho	125.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>516.355.000</b>	<b>1.678.397.500</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>516.355.000</b>	<b>1.678.397.500</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Giá vốn Phân vi sinh	623.001.853	1.691.428.143
Giá vốn cho thuê kho	49.273.974	-
<b>Tổng</b>	<b>672.275.827</b>	<b>1.691.428.143</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	10.960	24.834
<b>Tổng</b>	<b>10.960</b>	<b>24.834</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.154.797	-
<b>Tổng</b>	<b>13.154.797</b>	<b>-</b>

**6.5 Chi phí quản lý kinh doanh**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí bằng tiền khác	1.950.000	1.523.810
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	258.655.281	347.883.073
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	47.672.995	9.662.728
Chi phí khấu hao	461.977.328	682.605.841
Thuế, phí, lệ phí	184.891.500	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.491.045	152.082.830
Chi phí khác bằng tiền	49.250.006	193.766.861
<b>Tổng</b>	<b>1.015.888.155</b>	<b>1.390.525.143</b>

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	8.119.097	-
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	8.119.097	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(8.119.097)</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.7 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(1.193.071.916)</b>	<b>(1.403.530.952)</b>
Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	8.119.097	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1.184.952.819)</b>	<b>(1.403.530.952)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.8 Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(1.193.071.916)</b>	<b>(1.403.530.952)</b>
Điều chỉnh tăng, giảm LN kế toán để xác định Lãi (Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.193.071.916)</b>	<b>(1.403.530.952)</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	2.353.000	2.353.000
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(507)</b>	<b>(596)</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.236.308.184	2.913.701.194
Chi phí nhân công	532.596.181	597.473.004
Chi phí khấu hao tài sản cố định	511.251.302	682.605.841
Thuế, phí lệ phí	184.891.500	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.824.064	160.916.925
Chi phí khác bằng tiền	49.250.006	193.766.861
<b>Tổng</b>	<b>2.601.121.237</b>	<b>4.551.463.825</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thông tin về các bên liên quan****a) Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

<u>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</u>
Ông Nguyễn Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc	81.990.000	65.206.400
<b>Tổng</b>		<b>81.990.000</b>	<b>65.206.400</b>

**b) Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Trong kỳ Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan cũng như không còn số dư công nợ phải thu, phải trả tại 30/6/2024 với các bên liên quan.

**7.2 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các Cổ đông của Công ty đã chuyển khoản góp đủ vốn điều lệ là: 50.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**7.3 Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập dựa trên cơ sở Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần (ít nhất 12 tháng). Công ty không có ý định giải thể hay ngừng hoạt động kinh doanh cũng như bị buộc phải thu hẹp đáng kể hoạt động kinh doanh.

**7.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính được lấy theo số dư ngày 31/12/2023 trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty chưa được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023.

Người lập

Kế toán trưởng

Quảng Trị, ngày 30 tháng 09 năm 2024



Hồ Việt Nga



Hồ Việt Nga



Nguyễn Thị Bích Ngọc

**BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

Số tài khoản	Tên tài khoản	Tại ngày 01/01/2024		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 30/06/2024	
		Nợ (1)	Có (2)	Nợ (3)	Có (4)	Nợ (5)	Có (6)
<b>A</b>	<b>B</b>						
111	Tiền mặt	1.398.069.096	-	779.679.000	543.495.724	1.634.252.372	-
112	Tiền gửi ngân hàng	4.199.665	-	2.188.891.760	2.191.247.982	1.843.443	-
131	Phải thu của khách hàng	2.439.176.900	250.476.000	514.855.000	1.035.560.000	2.355.614.400	687.618.500
133	Thuế GTGT được khấu trừ	85.343.297	-	21.606.970	12.500.000	94.450.267	-
138	Phải thu khác	75.262.395	-	-	-	75.262.395	-
152	Nguyên liệu, vật liệu	1.672.450.117	-	96.370.472	1.215.117.982	553.702.607	-
154	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.292.863.831	-	1.585.582.103	2.342.482.937	535.962.997	-
155	Thành phẩm	303.650.416	-	2.342.482.937	623.001.853	2.023.131.500	-
156	Hàng hóa	253.113.574	-	-	-	253.113.574	-
211	Tài sản cố định	21.686.565.399	-	-	-	21.686.565.399	-
214	Hao mòn TSCĐ	-	18.598.083.769	-	511.251.302	-	19.109.335.071
241	Xây dựng cơ bản dở dang	391.855.879	-	94.252.500	-	486.108.379	-
242	Chi phí trả trước	63.073.449	-	4.147.240	51.820.235	15.400.454	-
331	Phải trả cho người bán	10.104.710.156	878.998.340	308.951.596	220.645.908	10.211.645.608	897.628.104
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.961.467	-	128.628.934	205.376.537	24.961.467	76.747.603
334	Phải trả người lao động	-	449.011.427	401.195.437	510.208.231	-	558.024.221
338	Phải trả, phải nộp khác	-	4.909.358.446	117.623.375	943.892.400	-	5.735.627.471
341	Vay và nợ thuê tài chính	-	807.635.931	856.765.851	227.504.000	-	178.374.080
353	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	166.808.751	-	-	-	166.808.751
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	23.530.000.000	-	-	-	23.530.000.000
418	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	3.087.432.356	-	-	-	3.087.432.356
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.882.509.379	-	1.193.071.916	-	14.075.581.295	-
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	516.355.000	516.355.000	-	-
515	Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	10.960	10.960	-	-



## BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

Số tài khoản	Tên tài khoản	Tại ngày 01/01/2024		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 30/06/2024	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
632	Giá vốn hàng bán	-	-	672.275.827	672.275.827	-	-
635	Chi phí tài chính	-	-	13.154.797	13.154.797	-	-
642	Chi phí quản lý kinh doanh	-	-	1.069.309.369	1.069.309.369	-	-
811	Chi phí khác	-	-	8.119.097	8.119.097	-	-
911	Xác định kết quả kinh doanh	-	-	1.709.437.876	1.709.437.876	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>52.677.805.020</b>	<b>52.677.805.020</b>	<b>14.622.768.017</b>	<b>14.622.768.017</b>	<b>54.027.596.157</b>	<b>54.027.596.157</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Hồ Việt Nga

Hồ Việt Nga

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Quảng Trị, ngày 30 tháng 09 năm 2024

Tổng Giám đốc

